

HÒA BÌNH - MỤC TIÊU, KHÁT VỌNG CỦA VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

PGS, TS TRẦN THỊ THU HƯƠNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

29-12-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

10-1-2026

Ngày duyệt đăng:

14-1-2026

Tóm tắt: Hòa bình là khát vọng chung, mang giá trị phổ quát của nhân loại, là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại và phát triển của mọi quốc gia, dân tộc, vượt qua mọi rào cản địa lý và văn hóa. Hòa chung dòng chảy của lịch sử nhân loại, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc, tinh hoa văn hóa của nhân loại, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định hòa bình là mục tiêu đầu tiên trong hệ mục tiêu đưa đất nước bước sang kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về việc xác định mục tiêu hòa bình từ tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam.

Từ khóa:

Hòa bình; hệ mục tiêu; kỷ nguyên mới; cách mạng Việt Nam

1. Hòa bình là mục tiêu cao cả của cách mạng, gắn liền với độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, hòa bình được xem như mục tiêu nhân văn, khoa học và cách mạng, gắn liền với lý tưởng xóa bỏ áp bức, bóc lột và xây dựng một xã hội công bằng, nhân ái. Đối với các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, hòa bình không thể đạt được chỉ bằng những lời kêu gọi đạo đức hay ngoại giao hình thức, mà phải xây dựng trên nền tảng kinh tế - xã hội mới, nơi không còn giai cấp thống trị và những nguyên nhân sinh ra chiến tranh. C.Mác và F. Ăngghen chỉ ra rằng, chiến tranh là

sản phẩm tất yếu của CNTB, nơi mâu thuẫn giai cấp nội tại dẫn đến xung đột quốc tế. Phát triển tư tưởng của Mác - Ăngghen, V.I.Lênin đã chỉ ra bản chất của chiến tranh trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa - khi CNTB bước sang thời kỳ độc quyền và xâm lược. Vì vậy, hòa bình thực sự chỉ đạt được thông qua cách mạng XHCN, với quyền tự quyết cho tất cả dân tộc bị áp bức, bao gồm thuộc địa. Điều này sẽ loại bỏ bóc lột dân tộc, dẫn đến hòa bình bền vững dựa trên bình đẳng và đoàn kết quốc tế vô sản: “Mục tiêu cuối cùng là hòa bình, nhưng hòa bình thực sự chỉ có nghĩa là sự thống trị của chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới”¹. Hòa bình theo chủ nghĩa Mác - Lênin không thể tách

rời công lý, bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

Vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi hòa bình là mục tiêu cao cả của cách mạng, gắn liền với độc lập, tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân và góp phần vào sự nghiệp hòa bình thế giới.

Trước hết, hòa bình trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ trương giải quyết những mâu thuẫn, quan hệ quốc tế bằng cách lấy đối thoại thay cho đối đầu, thương lượng hòa bình thay cho xung đột, chiến tranh, tránh đổ máu, tổn thất, hy sinh cho nhân dân.

Ngay trong quá trình tìm đường cứu nước, ngày 18-6-1919, trong thời gian hoạt động ở Pháp, thay mặt những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị Versailles (Pháp), bản Yêu sách của nhân dân An Nam². Đây là bản tuyên ngôn văn hóa hòa bình đầu tiên của Người. Khi bản yêu sách không được chấp nhận, nhận thức chính trị của Người đã rõ là không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng mới có được độc lập, hòa bình. Ngay trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Người đã 2 lần đưa ra đề nghị 5 điểm thông qua cựu sĩ quan tình báo người Pháp Giê-nơ Xanhtơ-ni (Jean Sainteny) gửi tới Chính phủ Pháp, đề xuất bầu một nghị viện do một người Pháp làm chủ tịch qua cuộc phổ thông đầu phiếu. Sau 5 năm, muộn nhất là 10 năm, nước Pháp sẽ trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam, Pháp sẽ được hưởng những ưu tiên về kinh tế. Nhưng Chính phủ Pháp vẫn không đề cập đến.

Khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, *Tuyên ngôn Độc lập* trình trọng tuyên bố với thế giới “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập”³, nhưng, chỉ 3 tuần sau đó (23-9-1945)

thực dân Pháp tái chiếm Nam Bộ. Nền hòa bình, tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam lại bị đe dọa. Trên cơ sở kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh đã có những nhân nhượng có lợi cho Pháp để tránh một cuộc chiến tranh có thể xảy ra. Người nói: “Dân Việt Nam không muốn đổ máu, dân Việt Nam yêu chuộng hòa bình”⁴. Sự mong muốn hòa bình thể hiện rõ nét trong thực tế lịch sử: Chỉ từ tháng 9-1945 đến cuối năm 1946, Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam đã trên 30 lần bày tỏ lập trường hòa bình trong việc giải quyết cuộc xung đột Việt - Pháp. Trong “Thư gửi Chính phủ và nhân dân Pháp nhân dịp đầu năm mới”, Người viết: “Mong quốc dân Pháp hiểu rằng chúng tôi không thù hằn gì dân tộc Pháp. Chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu, chống bọn thực dân phản động đang mưu mô xẻ cắt Tổ quốc chúng tôi,... Nhưng chúng tôi không chiến đấu chống nước Pháp mới và quốc dân Pháp, chúng tôi lại còn muốn hợp tác thân ái”⁵.

Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Hồ Chí Minh vẫn kiên trì kêu gọi: “Chúng tôi muốn hòa bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau”⁶. Từ tháng 1 đến tháng 5-1947, Việt Nam đã 20 lần chính thức đề nghị chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng; Hồ Chí Minh đã 14 lần gửi thư cho Tổng thống, Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Pháp đề nghị chấm dứt chiến tranh, văn hòa hòa bình. Trung tuần tháng 5-1947, khi kháng chiến toàn quốc diễn ra được 5 tháng, Cao ủy Pháp phái “nhà xã hội học” Pôn Muýt lên Thái Nguyên đưa những “điều kiện tiên quyết” đi tới ngừng bắn, những điều kiện “vô lý” và “vô lý”³, thực chất là yêu cầu ta hạ vũ khí đầu hàng. Trong “Thư gửi nhân dân Pháp sau cuộc hội kiến với Pôn Muýt”, Người khẳng định: “Chúng tôi muốn hòa bình. Chúng tôi muốn nước chúng tôi độc lập và thống nhất...”⁷. Ngày 10-5-1947, trả

lời phỏng vấn của ông Ronê Lécmitơ - phóng viên báo *L'Humanite* Hồ Chí Minh nói: “Chúng tôi khao khát hòa bình và chúng tôi sẵn sàng hòa bình. Chỉ còn tùy thuộc vào quyết định của Chính phủ Pháp mà thôi”⁸. Cuối tháng 5-1947, sau khi hội kiến với Pôn Muýt và đại diện Cao ủy Pháp Bôlae, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi “Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước” nói rõ thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam: “Vì nhân đạo, vì hoà bình, vì muốn giữ cảm tình với dân Pháp, Chính phủ ta đề nghị với Chính phủ Pháp, căn cứ nguyện vọng thống nhất và độc lập của dân ta, tìm cách dàn xếp cuộc chiến tranh”⁹.

Khi thực dân Pháp ngày càng bị sa lầy trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương, Hồ Chí Minh đã mở đường cho Pháp và mong muốn kết thúc chiến tranh bằng con đường thương lượng hòa bình. Ngày 26-11-1953, trả lời báo *Expressen* (Thụy Điển), Người khẳng định: “Nhưng nếu chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó”¹⁰. Đó là lời tuyên bố đầy thiện chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Chính phủ Pháp.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên phủ, Hiệp định Genève được ký kết, trong buổi tiếp đầu tiên Ủy ban quốc tế giám sát đình chiến ở Việt Nam, gồm đại biểu ba nước Ấn Độ, Ba Lan và Canada, ngày 12-8-1954, tại Thái Nguyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Nhân dân Việt Nam chúng tôi vốn yêu chuộng hoà bình, cho nên chúng tôi rất phấn khởi đón tiếp cuộc đình chiến. Chúng tôi sẽ đưa hết lực lượng và sẽ cố gắng không ngừng để giữ gìn hoà bình và thi hành đúng đắn tất cả những điều khoản đã ghi trong hiệp định đình chiến”¹¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kiên trì thực hiện thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định. Người bày tỏ: “Nhân dân Việt Nam tin chắc rằng mọi sự phân tranh trên thế giới đều có thể giải quyết bằng cách hòa bình; tin chắc rằng các nước dù chế độ xã hội khác nhau và hình thái ý thức khác nhau cũng đều có thể chung sống hòa bình được”¹². Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hiệp định Genève, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận định được mưu đồ của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Đông Dương. Do vậy, khi sang Trung Quốc (tháng 6-1955), Người tiếp tục khẳng định: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt mọi quan hệ thân thiện hợp tác với bất cứ một nước nào trên nguyên tắc: tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội trị của nhau, bình đẳng cùng có lợi, và chung sống hòa bình”¹³.

Khi đế quốc Mỹ bắt đầu lúng túng, sa lầy trong chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền Nam Việt Nam, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Đế quốc Mỹ chỉ có thể chọn một trong hai con đường: Hoặc là chuẩn bị chào đón một trận Điện Biên Phủ. Hoặc là thi hành đúng Hiệp định Genève năm 1954... Nếu đế quốc Mỹ khôn hồn theo con đường thứ hai, nhân dân Việt Nam sẽ sẵn sàng hoan tống họ một cách lịch sự...”¹⁴. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở giai đoạn vô cùng ác liệt, trong các văn bản gửi cho chính phủ Hoa Kỳ, một mặt, Hồ Chí Minh tố cáo “tội ác tày trời” mà Mỹ gây ra đối với nhân dân Việt Nam, khẳng định ý chí chiến đấu kiên cường của Việt Nam, không bao giờ khuất phục trước vũ lực bạo tàn. Đồng thời, Người tỏ rõ sẵn sàng cùng Mỹ tìm một giải pháp đúng đắn, chấm dứt chiến tranh. Trong Thư trả lời Tổng thống Mỹ Giôn-xơn (Lyndon B. Johnson) ngày 15-2-1967, Người viết: “Nhân dân Việt Nam quyết

không khuất phục trước vũ lực và quyết không nói chuyện trước sự đe dọa của bom đạn. Sự nghiệp của chúng tôi là chính nghĩa. Mong Chính phủ Mỹ hãy hành động hợp lẽ phải”¹⁵.

Như vậy, chủ trương nhất quán của Người trong việc giải quyết những mâu thuẫn, quan hệ quốc tế bằng cách lấy đối thoại thay cho đối đầu, thương lượng hòa bình thay cho xung đột, chiến tranh. Đây chính là sự kết tinh tư tưởng ngoại giao vì công lý, độc lập và hòa bình của Hồ Chí Minh.

Hai là, theo Hồ Chí Minh, hòa bình không chỉ là sự vắng mặt của chiến tranh mà là trạng thái để nhân dân được sống trong độc lập, tự do và hạnh phúc. Điều này cho thấy hòa bình phải dựa trên nền tảng độc lập dân tộc; không có độc lập thì không thể có hòa bình thực sự. Người luôn ưu tiên giải pháp hòa bình và nỗ lực cố gắng với mọi hoạt động ngoại giao để có hòa bình, nhưng khi độc lập dân tộc bị đe dọa thì Người kiên quyết kêu gọi nhân dân đứng lên để có được hòa bình thực sự. Do vậy, tháng 12-1946, khi thực dân Pháp gây hấn ở Hà Nội, Người đã ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” để bảo vệ “quyền” hòa bình, độc lập và nền hòa bình, độc lập thật sự của dân tộc, mà dân tộc đã tuyên thệ trong *Tuyên ngôn Độc lập* (2-9-1945): “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹⁶. Trong *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến*, Người nêu rõ: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”¹⁷.

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược chiến tranh cục bộ, đẩy cả dân tộc Việt Nam bước vào giai đoạn lịch sử đầy cam go, thách thức - cả nước có chiến tranh. Trước bối cảnh đó, ngày 10-4-1965,

tại diễn đàn Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rõ lập trường: “Chúng ta yêu chuộng hòa bình, nhưng chúng ta không sợ chiến tranh. Chúng ta quyết đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược, để bảo vệ tự do, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ta”¹⁸. Yêu chuộng hòa bình, tìm mọi phương sách để giải quyết bằng con đường hòa bình, nhưng khi chính phủ Mỹ không “hành động hợp lẽ phải”, tiếp tục đẩy mạnh leo thang chiến tranh Việt Nam, ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết tâm đứng lên để bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do... Vì độc lập của Tổ quốc... toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, không sợ hi sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”¹⁹. Điều đó được khẳng định một lần nữa, khi Người nêu rõ: “Trải qua gần một trăm năm dưới ách nô lệ thực dân và hơn 20 năm chống chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc, hơn ai hết, nhân dân ta rất thiết tha yêu quý hòa bình để xây dựng đất nước. Nhưng phải là *hòa bình thật sự trong độc lập, tự do*”²⁰. Trong “Thư trả lời Tổng thống Mỹ Ríxơn M. Níchxơn”, ngày 25-8-1969, Người bày tỏ sự căm phẫn trước tội ác mà quân đội Mỹ gây ra cho nhân dân, đất nước Việt Nam, và “... rất xúc động thấy ngày càng có nhiều thanh niên Mỹ chết vô ích ở Việt Nam vì chính sách của nhà cầm quyền Mỹ”²¹. Người cho rằng với thiện chí của cả hai bên “có thể đi tới những cố gắng chung để tìm một giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam”²². Tinh thần mong muốn giải quyết bằng con đường ngoại giao hòa bình đã chỉ đạo xuyên suốt trên bàn đàm phán Paris từ năm 1968 đến năm 1973, để cách mạng Việt Nam thực hiện

được “lộ trình”: “đánh cho Mỹ cút”, để sau đó “đánh cho ngụy nhào” năm 1975.

Ba là, với tầm nhìn chiến lược và tình yêu thương nhân loại sâu sắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh vì hòa bình cho dân tộc Việt Nam mà còn góp phần vào sự nghiệp hòa bình thế giới. Người chỉ rõ trách nhiệm: “Chẳng những Việt Nam phải đấu tranh giành lấy độc lập dân tộc cho chính mình, mà còn phải gánh vác trách nhiệm một phần trong sự nghiệp mưu cầu hòa bình cho toàn thế giới”²³.

Những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về hòa bình, thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng của Người đối với việc thiết lập một tương lai lâu dài trong quan hệ đối ngoại và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế. Giáo sư, tiến sĩ người Đức W. Luyây (Wilfried Lulei) đã nhận xét: “Quan điểm của Hồ Chí Minh rất phù hợp với quan điểm ngày nay trong việc giải quyết các xung đột quốc tế... Chính Hồ Chí Minh, ngay từ những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Việt Nam, luôn mong muốn hòa bình đàm phán với Pháp. Hòa bình hạnh phúc cho nhân dân, đó chính là ý nguyện suốt đời của Người”²⁴.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán mục tiêu hòa bình trong đổi mới và hội nhập quốc tế

Tiếp tục quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh vào công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, mục tiêu hòa bình được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là nền tảng để phát triển, thể hiện qua việc giữ vững độc lập, chủ quyền của đất nước, xây dựng môi trường ổn định, kết hợp quốc phòng, an ninh với đối ngoại. Hòa bình không chỉ là trạng thái không có chiến tranh mà còn là sự hài hòa, ổn định trong các mối quan hệ xã hội, quốc tế. Đây là giá trị được nhân loại hướng tới để bảo đảm an ninh và cơ hội phát triển cho mọi cá nhân và các quốc gia, dân tộc.

Một là, hòa bình được Đảng Cộng sản Việt Nam coi là điều kiện tiên quyết để thực hiện các mục tiêu khác trong xây dựng CNXH, vì chỉ trong môi trường hòa bình mới có thể tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ chủ quyền của đất nước. Quan điểm này được nhấn mạnh xuyên suốt trong các văn kiện của Đảng, phản ánh bài học từ lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm và quá trình hội nhập quốc tế. Khi đất nước đang còn chiến tranh, khát vọng hòa bình là để thực hiện được “dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”. Vì vậy, trong *Di chúc* (1969), Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi lại “điều mong muốn cuối cùng” trước lúc đi xa là “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”²⁵. Mục tiêu hòa bình được Người đặt lên đầu tiên thể hiện hòa bình là cơ sở, nền tảng để có được một đất nước thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện lịch sử mới, sau khi đất nước thống nhất, cả nước đi lên CNXH, quan điểm của Đảng đã xác định: “Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”²⁶. Trong những năm đầu đổi mới, chủ trương của Đảng là tham gia ngày càng rộng rãi vào sự phân công lao động quốc tế, trước hết và chủ yếu là phát triển quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, với Lào và Campuchia, với các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế... “Tích cực phát triển quan hệ kinh tế và khoa học, kỹ thuật với các nước khác, với các tổ chức quốc tế và tư

nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Thực hiện nghiêm túc các cam kết của nước ta trong quan hệ kinh tế với nước ngoài”²⁷.

Đại hội VII (1991) của Đảng thông qua *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, khẳng định hòa bình là cơ sở cho hợp tác quốc tế: “Thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi”²⁸. Đến Đại hội XI, *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, một trong những đặc trưng của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là “có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”²⁹. Vì vậy, quan điểm hòa bình của Đảng được bổ sung rõ nét hơn, nhấn mạnh hòa bình như nền tảng cho phát triển bền vững: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”³⁰.

Nghị quyết Đại hội XII (2016) của Đảng tiếp tục khẳng định hòa bình là nhiệm vụ trọng tâm: “Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước”³¹. Đến Đại hội XIII (2021), hòa bình được Đảng nâng tầm thành yếu tố chiến lược: “Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; bảo vệ chủ quyền biển đảo, hội nhập quốc tế toàn diện”³². Trong Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội XIV (Dự thảo Báo cáo chính trị), Đảng đã khẳng định: “Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước”³³. Quan điểm này thể hiện sự nhất quán của Đảng trong việc thực hiện hòa bình không

chỉ qua đối ngoại mà còn qua xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo đảm ổn định nội bộ để tập trung vào xây dựng CNXH.

Hai là, hòa bình thực sự là hòa bình được xác lập trên cơ sở sức mạnh của nội lực và độc lập, tự chủ. Hòa bình gắn với phát triển bền vững: không thể có phát triển nếu không có thực lực và môi trường chính trị ổn định. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh: “muốn có hòa bình thực sự thì phải có độc lập thực sự”³⁴, đường lối nhất quán của Đảng là độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, vì lợi ích quốc gia - dân tộc, vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh, phồn vinh. Đảng coi hòa bình là yếu tố then chốt trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Hòa bình phải dựa trên độc lập thực sự về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự và ngoại giao, không lệ thuộc bên ngoài. Khi bước vào thời kỳ đổi mới, quan điểm của Đảng xác định xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, đồng thời xác định quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Đại hội XII và Đại hội XIII phát triển, bổ sung nội dung: ổn định chính trị, xây dựng quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, đồng thời chủ trương kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Đảng chủ trương tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công

cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định. Thực hiện đường lối đổi mới, sau 40 năm, từ một nền kinh tế lạc hậu, Việt Nam đã trở thành một trong 32 nền kinh tế lớn nhất thế giới, thu nhập bình quân đầu người tăng từ dưới 100 USD lên gần 5.000 USD; có quan hệ kinh tế thương mại với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm gần 90% GDP của thế giới và mạng lưới của 20 hiệp định thương mại tự do (FTA)...³⁵. Đó chính là cơ sở thực tiễn quan trọng bảo đảm cho nền hòa bình Việt Nam được bền vững.

Quan điểm của Đảng về bảo vệ Tổ quốc đề có nền hòa bình bền vững được phát triển rõ nét trong Dự thảo Báo cáo chính trị, không chỉ đề ra nhiệm vụ tập trung đầu tư, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; cơ bản hoàn thành điều chỉnh, sắp xếp tổ chức Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, mà còn đặt ra yêu cầu: “Chủ động triển khai công tác nghiên cứu, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra các chủ trương, đối sách xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ; ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; ứng phó ngày càng có hiệu quả hơn các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Giữ vững chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng”³⁶. Như vậy, đến Dự thảo Báo cáo chính trị, quan điểm của Đảng về hòa bình không chỉ tránh xung đột quân sự mà còn bao gồm an ninh phi truyền thống. Đồng thời đặt ra yêu cầu phải chủ động dự báo đúng tình hình, ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột; “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa”.

Ba là, theo quan điểm của Đảng, hòa bình là bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc

trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Vì vậy, Đảng xác định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, mà nguồn lực nội sinh, trong đó nguồn lực con người là quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của đất nước.

Trong *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Đảng xác định độc lập gắn kết chặt chẽ với hòa bình: “hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, trên cơ sở nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”. Một trong những quan hệ lớn mà Đảng yêu cầu phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết là “Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển”; “giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế”³⁷. Quan điểm của Đảng được cụ thể hóa bằng Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2020 (Ban hành theo Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 14-2-2011 của Thủ tướng Chính phủ). Trong đó xác định: “Nhiệm vụ của công tác đối ngoại trong thời gian tới là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; đưa các quan hệ

quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa, xã hội và thể thao”³⁸. Đại hội XIII (2021) của Đảng nhấn mạnh: “... tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định”³⁹. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24-1-2025 “về hội nhập quốc tế trong tình hình mới”. Nghị quyết nhấn mạnh quan điểm: “Cùng với việc tăng cường quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên và phải phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại, kết hợp với quốc phòng - an ninh trong việc bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa”⁴⁰. Nghị quyết số 59-NQ/TW đặt ra mục tiêu tổng quát góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần thiết thực vào phát triển và bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa; tranh thủ tối đa các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, phát triển nhanh và bền vững; tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, nâng cao vai trò, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam để phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam trở thành một nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng XHCN. Nghị quyết đưa ra 7 nhóm nhiệm vụ, trong đó: “Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, nâng cao tiềm lực và vị thế quốc tế của đất nước” là nhóm nhiệm vụ đầu tiên. Đây là quyết sách quan trọng, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong tiến trình hội nhập quốc tế, xác định hội nhập là động lực chiến lược để Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Sau 40 năm đổi mới, hội nhập quốc tế, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, toàn diện, góp phần vào gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; nâng cao tiềm lực, vị thế, uy tín của đất nước và đã chuyển từ hội nhập kinh tế quốc tế sang hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện; tích cực đóng góp vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với các thách thức toàn cầu và thúc đẩy hợp tác phát triển giữa các quốc gia. Việt Nam tiếp tục đóng góp cho hòa bình thế giới qua các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc, như tham gia phái bộ tại Nam Sudan và Cộng hòa Trung Phi, đã tích cực góp phần ổn định khu vực châu Phi và Trung Đông... Dù trong bối cảnh thế giới đầy phức tạp, Việt Nam vẫn tiếp tục kiên trì nhất quán thực hiện chính sách “bốn không” (không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế), không chỉ thể hiện bản lĩnh giữ vững hòa bình cho Việt Nam mà còn góp phần gìn giữ hòa bình cho nhân loại.

Một trong những mục tiêu hướng đến năm 2030, tầm nhìn 2045 của Việt Nam là tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, gắn với độc lập, chủ quyền quốc gia, đồng thời chủ động tham gia vào các nỗ lực quốc tế vì hòa bình, để vừa bảo vệ Tổ quốc, vừa tạo dựng điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Như vậy, hòa bình một trong những thành tố và là thành tố đầu tiên cấu thành hệ mục tiêu của Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước. Theo Tổng Bí thư Tô Lâm: “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh

dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu⁴¹. Đó chính là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để Đảng đưa vào chủ đề của Dự thảo Báo cáo chính trị: “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin tiến mạnh vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”⁴².

1. *VI. Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, T. 27, tr. 118

2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 469 - 470. Đây là hội nghị của các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới I bàn về phân chia lại thế giới và thiết lập một trật tự hòa bình, an ninh mới, được khai mạc vào ngày 18-1-1919, kéo dài trong vòng hai năm. Các nước thắng trận đã tuyên bố trước thế giới cuộc đấu tranh của họ là “văn minh chống dã man”, là trao trả độc lập cho thuộc địa

3, 4, 16, 17. *Sđd*, T. 4, tr. 3, 104, 3, 534

5, 6, 7, 8, 9. *Sđd*, T. 5, tr. 3, 24, 155, 147, 150

10. *Sđd*, T. 8, tr. 340

11. *Sđd*, T. 9, tr. 23

12, 13. *Sđd*, T. 10, tr. 12, 12

14, 18, 34. *Sđd*, T. 14, tr. 502, 531, 664

15, 19, 20, 21, 22, 25. *Sđd*, T. 15, tr. 302, 131-132, 513, 602, 603, 624

23. *Sđd*, T. 3, tr. 643

24. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb KHXH, H, 1990, tr. 57

26, 27. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/ngghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-1493>

28. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb ST, H, 1991, tr. 22

29, 37. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 70, 73

30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 23

31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb, H, 2016, tr. 2

32, 39. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. I, tr. 25, 35-36

33, 36. <https://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/cong-bo-toan-van-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-1493>

35, 40. <https://baochinhphu.vn/ngghi-quyet-so-59-nq-tw-buoc-ngoat-lich-su-trong-tien-trinh-hoi-nhap-quoc-te-102250916120745609.htm>, ngày đăng 16-9-2025

38. Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2020 (Ban hành theo Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 14-2-2011 của Thủ tướng Chính phủ), nguồn: bpl.vn/bongoaigiao/Pages/vbApq-toanvan.aspx?ItemID=86745

41. GS, TS Tô Lâm: “Một số nhận thức cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.050 (tháng 11-2024), tr. 3

42. Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, phụ trương đặc biệt Báo *Nhân Dân*, ngày 15-10-2025, tr.1.